



# Jan'slenmen

Nỗi sợ và sự vô minh luôn đi đôi cùng nhau.

Sự Sáng suốt của tính Biết giải phóng con người ta khỏi nỗi sợ.



# KINH DỊCH

- Một pho sách tối cổ, đã được 4 vị đại thánh soạn ra:
  1. Phục Hi (c. 2852) – vẽ tiên thiên bát quái
  2. Văn Vương (1231 – 1135) vẽ hậu thiên bát quái , viết thoán từ
  3. Chu Công (c. 1100) – viết hào từ
  4. Khổng Tử (551 – 479) – viết thập lục, thập lục gồm:
    - Thoán: Thượng, hạ truyện
    - Tụng: Thượng, hạ truyện
    - Hệ từ: Thượng, hạ truyện
    - Văn ngôn truyện
    - Thuyết quái truyện
    - Tụ Quái truyện
    - Tạp quái truyện



# KINH DỊCH

- Dịch có 3 nghĩa

1. Bất biến
2. Biến thiên
3. Giải dị



# KINH DỊCH

■ Dịch là bộ sách triết học, dùng:

1. Tượng (ký hiệu)
2. Từ (Lời lẽ)
3. Số (Con số)



# KINH DỊCH

- Dịch coi:

1. Thái cực là nguồn gốc sinh ra vạn tượng, vạn hữu, vũ trụ, quần sinh.
2. Âm – Dương là hai động lực vừa tương thừa vừa tương khắc tác động lẫn nhau, mà sinh ra mọi biến hoá.
3. Tứ tượng, ngũ hành là những trạng thái biến hoá chính của một nguyên khí. Nguyên thể khi trải qua các giai đoạn, từ khinh thanh đến trọng trọc và ngược lại, theo những chu kỳ cố định, diễn biến theo luật định  
**Sinh – Trưởng – Liễm – Tàng**
4. Bát quái tượng trưng cho vạn tượng, vạn hữu
5. 64 quẻ tượng trưng cho mọi hoàn cảnh mà vạn tượng, vạn hữu trong khi gặp gỡ, giao dịch với nhau đã gây nên.



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Y học là một khoa đặc biệt, thay vì theo con đường thực nghiệm như ngày nay, nó đã đi theo con đường suy lý.
- a) Con đường thực nghiệm là quan sát thực tại kỹ càng để tìm ra những luật định: Rồi từ những luật định, suy ra những lý thuyết, những nguyên lý.
  - Áp dụng vào y học, phương pháp thực nghiệm sẽ chú trọng đến mổ, xẻ, quan sát tạng phủ; cân lường, phân tích các cơ quan; huyết dịch v.v... để tìm hiểu bệnh trạng và tìm cách chữa trị
  - Phương pháp Đông y không theo phương pháp thực nghiệm này. (có mổ nhưng không phải vấn đề cần yếu)
- b) Đông y theo con đường suy lý, giống người Hy Lạp cổ. Phương pháp suy lý đi từ nguyên lý đã được chấp nhận là đúng, để suy dần ra mọi hiệu quả, và áp dụng vào mọi trường hợp.

# DỊCH KINH & Y HỌC

Nhân thân tiểu thiên địa

Trước tiên dựa vào Dịch, Đông y quan niệm rằng:  
Nhân thân tức là tiểu thiên địa.

**Đại vũ trụ**

**Tiểu vũ trụ**

Trời

Đầu (tròn)

Đất

Chân (vuông)

Ngũ hành

Ngũ tạng

Tứ tượng

Tứ chi

24 tiết khí

24 xương sống

12 tháng

12 đốt khí quản

360 ngày

360 xương

9 cửa trời

Cửu khiếu

Sông ngòi

Huyết mạch



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Ngũ vận, lục khí ảnh hưởng đến sức khoẻ con người  
Chủ chương của Dịch là chủ chương Tam tài:  
Thiên-Địa-Nhân  
Áp dụng nguyên tắc chính yếu ấy của Dịch, y học cho rằng con người không thể nào tách rời được khỏi ảnh hưởng của trời đất cho nên mọi sự biến hoá của khí tiết trong thiên năm hoặc mọi sự biến hoá của thời khí theo vận niên, đều ảnh hưởng rất nhiều đến sức khoẻ con người. Y cổ có hẳn một khoa riêng, Ngũ vận – Lục khí, cân nhắc sự sinh khắc giữa:
  - + Chủ vận, khách vận
  - + Chủ khí, khách khí
  - + Khách vận, khách khíNgười ta có thể chỉ ra một năm lành dữ ra sao, bệnh tật nhiều hay ít dễ chữa hay khó chữa v.v...





# DỊCH KINH & Y HỌC

- Quan niệm thái cực áp dụng vào y học  
Khảo Đông y, rất ít khi tiền nhân bàn về Thái cực trong y học.
  - \* Chu Hi, một thạc nho đời Tống, cho rằng: Người người đều có Thái cực, nhưng y gia lại kiệm lời về vấn đề này.
  - \* Đường Tông Hải (c.1875) đời Thanh, cho rằng bào thai một tháng nơi con người là Thái cực.
  - \* Lãn Ông (1724 – 1791) cho rằng: Hệ thống thận (gồm thận & Mệnh môn) là Thái cực, vì thế mà có trước tạng phủ.
  - \* Phùng Thị nói: Ở nơi con người hai quả thận hợp thành Thái cực.
- Học Dịch lại thấy Thái cực là toàn thể con người khi mới phôi thai, đối chiếu với Tiên Thiên đồ cùng với hình thể học lại biết:  
Vòng dịch, Thái cực ở trung điểm. Ở nơi con người Thái cực ở nơi trung tâm não bộ, đạo Lão gọi là Nê Hoàn Cung, đạo Phật gọi là Liên Hoa Tâm.



## DỊCH KINH & Y HỌC

- Quan niệm Âm – Dương của Dịch với y học  
Tổ Vấn cho rằng: “Trong con người thì ngoài là dương, trong là âm, bụng là âm, lưng là dương, tạng là âm, phủ là dương. Cho nên ngũ tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận đều thuộc âm. Lục phủ: Đởm, Vị, Đại tràng, Tiểu tràng, Bàng quang, Tam tiêu đều thuộc dương.
- Đối với y học cổ thì Dương chủ khí, Âm chủ huyết. Mạch bên tay phải thuộc dương (Thốn – Quan – Xích), mạch bên tay trái thuộc âm (Thốn – Quan – Xích).



# DỊCH KINH & Y HỌC

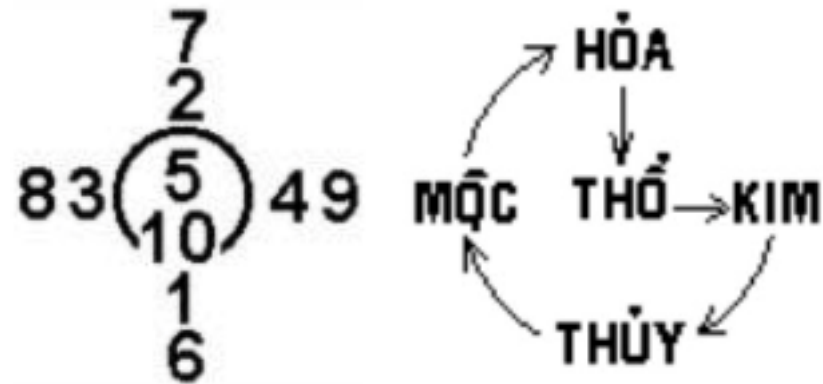
- Người ta cũng chia thành ba hạng:
  - + Dương tạng: Có khí lực mạnh mẽ, da nóng, mặt mũi hớn hở, tóc đen, rậm và tốt, tiếng nói to, thở mạnh, ăn uống dễ tiêu, tính tình nóng nảy, sống lâu.
  - + Âm tạng: Sợ lạnh, da mát và ướt, mặt mũi hơi xanh, tóc mềm, lông thưa, người mau mệt, tiếng nói yếu ớt, hay đầy hơi, hay bị tiêu chảy, lộ hầu, thịt mềm nhão, tính tình trầm tĩnh v.v...
  - + Bình tạng: Có cả hai khí huyết đều mạnh ngang nhau
- Phương diện bệnh học
  - + Dương bệnh: Là những bệnh ngoại cảm, cũng còn gọi là Thực chứng.
  - + Âm bệnh: Là những bệnh nội thương, cũng còn gọi là Hư chứng.

# DỊCH KINH & Y HỌC

- Quan niệm Ngũ hành với y học

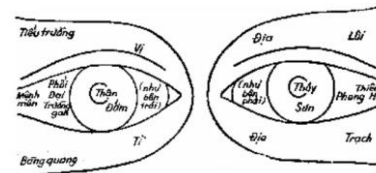
Dịch trong chính kinh, không đề cập tới Ngũ hành mà chỉ nói tới Tứ tượng, nhưng Ngũ hành đã tiềm ẩn trong Dịch, vì:

Thái cực + Tứ tượng = Ngũ hành



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Quan niệm Bát quái với y học  
Các nhà chuyên môn về mắt chia thành 8 vùng (khuếch)
  1. Thiên khuếch (☰ Càn), vùng lòng trắng phía giữa mắt: Phổi & Đại trường.
  2. Địa khuếch (☷ Khôn), vùng mi trên và dưới phía trong: Tỳ – Vị.
  3. Thuỷ khuếch (☵ Khảm), vùng đồng tử: Thận
  4. Hoả khuếch (☲ Ly), vùng khoé mắt trong và ngoài: Tâm và Mệnh môn.
  5. Lôi khuếch (☳ Chấn), vùng mi trên phía ngoài: Tiểu trường.
  6. Sơn khuếch (☶ Cấn), vùng tròng đen: Đờm.
  7. Phong khuếch (☴ Phong), vùng lòng trắng phía trong mắt: Can.
  8. Trạch khuếch (☱ Đoài), vùng mi dưới phía ngoài: Bàng quang.





# DỊCH KINH & Y HỌC

- Y gia cũng cho tạng phủ phối hợp với bát quái:

1. Phế (☱ Càn)
2. Tỳ (☷ Khôn)
3. Thận (☵ Khảm)
4. Đờm (☴ Tốn)
5. Can (☳ Chấn)
6. Vị (☶ Cấn)
7. Tiểu trường (☲ Đoài)

Dương thăng – Âm giáng gọi là "GIAO", ngược lại là "BẤT GIAO"

- Dương thăng – Âm giáng cũng áp dụng vào 12 kinh mạch.

- Thủ dương kinh đi từ tay xuống đầu
- Túc dương kinh đi từ đầu xuống chân
- Túc âm kinh đi từ chân lên mình



## DỊCH KINH & Y HỌC

- Các số trong Dịch với y học  
Các số trong kinh Dịch cũng áp dụng vào y học. Số 8 chia cuộc đời đàn ông thành các thời kỳ, vì số 8 ứng vào quẻ Cấn, mà Cấn là thiếu nam:
  - \* 8 tháng mọc răng
  - \* 8 tuổi thay răng
  - \*  $8 \times 2 = 16$  tuổi dậy thì
  - \*  $8 \times 8 = 64$  hết tình dụcSố 7 chia đời đàn bà thành nhiều giai đoạn, vì số 7 ứng với quẻ Đoài, mà Đoài là thiếu nữ:
  - \* 7 tháng mọc răng
  - \* 7 tuổi thay răng
  - \*  $7 \times 2 = 14$  tuổi dậy thì
  - \*  $7 \times 7 = 49$  tuổi tắt kinh
- Y gia cho rằng Vinh khí & Vệ khí một ngày một đêm đi khắp chu thân 50 vòng. Mà số 50 chính là số “Đại Diễn”



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Định luật tam lưỡng với y học  
Dịch cho rằng Dương 3, Âm 2, như vậy là Dương trọng hơn Âm và Dịch luôn chủ trương:  
Phù dương, ức âm
- Một dẫn chứng nguyên tắc ăn uống cần giữ tỷ số Âm – Dương cân bằng. Sinh lý học hiện đại thấy rằng trong huyết tương:
  - ✓ Số lượng của K (Potassium) là 5 mEq/l hay 20 mgr%
  - ✓ Số lượng của Na (Sodium) là 143 mEq/l hay 330 mgr%Như vậy:           K = 1  
                          Na = 16

## Note:

- K (Potassium) là năng lượng Âm
- Na (Sodium) là năng lượng Dương
- Một milliequivalent (mEq) là 1/2000 của một đương lượng





# DỊCH KINH & Y HỌC

- **Quan niệm Tiên thiên & Hậu thiên với y học**  
Y học thường đề cập tới Tiên thiên và Hậu thiên. Người xưa thường nói “Tiên thiên bất túc, hậu thiên khuỵ tổn”.
- ✓ **Tiên thiên là khí bẩm thụ của mỗi người khi chưa sinh.**
- ✓ **Hậu thiên là đời sống của mỗi người sau sinh.**



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ **Thầy thuốc phải có đức hiếu sinh:** Dịch nói “Sinh sinh chi vị dịch”. Một thầy thuốc có lương tâm cũng phải có đức hiếu sinh. Phải hết sức lo chữa cho người, đừng làm hại người vì sự dốt nát, cầu thả, vô lương tâm của mình.
- ✓ **Người biết dịch phải biết tìm gốc bệnh mà chữa:** Trị bản có thể hiểu được hai cách.
  1. Bản là căn bản của con người
  2. Bản thường được hiểu là nguyên nhân bệnh: Muốn biết nguyên nhân bệnh cần biết.
    - a) Vọng: Quan sát hình sắc bệnh nhân
    - b) Văn: Nghe hơi thở, tiếng nói, tiếng rên của bệnh nhân
    - c) Vấn: Hỏi han bệnh nhân cho kỹ càng
    - d) Thiết: Bắt mạch



## DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Dịch cũng như y chủ chương “Bớt thừa, thêm thiếu”  
Tượng truyện quẻ Khiêm viết: “Địa trung hữu sơn,  
khiêm; quân tử biểu đa, ích quả, xứng vật bình thi.”

Tượng rằng:

Núi trong lòng đất là Khiêm,

Hiền nhân nhiều bớt, ít thêm mới là.

Những gì chênh lệch quá đa,

Sửa sang cho bớt, cho vừa rồi thôi.

Trong Nội kinh trị pháp, Kỳ Bá nói: “Cao thời nên xuống, thấp thời nâng lên; Ôn thời làm Mát, Mát thời làm Ôn; Tán thời Thu, Thu thời Tán; Táo thời Nhuận; Nhanh thời làm cho Chậm; Rắn làm Mềm ra; Mềm làm Rắn lại; Suy thời Bổ, Mạnh thời Tả v.v.”



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Người hiểu lẽ dịch phải biết chừng mực, tiết độ: Theo gương quẻ Tiết (Thủy Trạch Tiết) người biết lẽ Dịch phải biết tiết độ, chừng mực, chẳng nên lao tâm, lao lực sắc dục quá độ, chẳng nên nằm nhiều, ngồi nhiều v.v...
  - Giận quá sẽ làm tổn hại tạng Can
  - Mừng vui quá sẽ làm tổn hại tạng Tâm
  - Lo âu tư lự quá sẽ làm tổn hại tạng Tỳ
  - Ưu sầu bi ai quá sẽ làm tổn hại tạng Phế
  - Sợ hãi quá sẽ làm tổn thương tạng Thận



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Người biết dịch bao giờ cũng phải có tầm mắt bao quát  
Vì thế nên khi chữa bệnh, thầy thuốc cần phải biết quá  
vãng của bệnh nhân, di chuyển của bệnh nhân, cách  
thức ăn, ở, làm lụng của bệnh nhân, những mối ưu tư của  
bệnh nhân; như vậy chữa bệnh mới có hiệu quả. Lại phải  
chữa bệnh cho bệnh nhân làm sao không di hại cho  
bệnh nhân sau này.



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Người biết dịch cần biết lẽ Phản phúc, chính phản  
Dịch sắp xếp 64 quẻ của Thượng kinh và Hạ kinh đều theo quy luật
  - Phản phúc
  - Chính phảnDịch xếp Càn ngược với Khôn, Mông ngược với Truân, Tụng ngược với Nhu... Y gia cũng cần phải biết thế nào là Chính trị, thế nào là Phản trị.
  1. CHÍNH TRỊ hay NGHỊCH TRỊ là lấy Hàn trị Nhiệt, lấy Nhiệt trị Hàn, để chữa những thực chứng, để chữa ngoại tà.
  2. PHẢN TRỊ hay TÔNG TRỊ là dùng Ôn, Nhiệt trị “GIẢ NHIỆT” thuốc Hàn, Lương trị giả Hàn để chữa Hư chứng, để lập lại thế quân bình Nội cảnh



# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Biết lẽ dịch phải biết biến hoá  
Thầy thuốc giỏi phải biết gia giảm, biến hoá chứ không chữa bệnh trần – trần theo những phương thuốc cố định sẵn có.

Phải biết lẽ sinh, khắc của vị thuốc: phải biết thế nào là Quân – Thần – Tá – Sứ để tùy nghi tăng giảm phân lượng các vị thuốc, tùy nghi gia giảm, tùy nghi dùng thang, hoàn; ngõ hầu đạt tới hiệu năng tối đa của bài thuốc và giảm tới mức tối thiểu của những độc tính của vị thuốc. Lại phải biết tùy bệnh dùng thuốc, tùy người cho thuốc, tùy bệnh nặng nhẹ, mới lâu mà cho thuốc; tùy thời tiết, thổ cư mà cho thuốc. Thế mới gọi là BIẾN HOÁ.



## DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Thầy thuốc giỏi là phải lấy sự chữa bệnh, đoán bệnh là dễ: Dịch cũng có nghĩa là Giảm dị (dễ). Nếu chúng ta am tường sự chuyển biến của thời tiết, sự chuyển biến của bệnh tật, những phản ứng của bệnh nhân, biết những nguyên tắc căn bản của Dịch học và Y học, nếu ta biết giản dị hoá vấn đề, để bao giờ cũng có cái nhìn trong sáng, thì sự làm thuốc trở nên dễ dàng.

Các danh y đều bình lại cách chữa bệnh của mình, tùy trường hợp. Lãn Ông viết cuốn Dương y án ghi những trường hợp đã chữa khỏi bệnh, Âm y án, ghi những trường hợp và những lý do không chữa khỏi bệnh.





# DỊCH KINH & Y HỌC

- Dịch lý áp dụng vào y học
- ✓ Người học dịch phải biết lẽ tương đối
  - ❖ Ở đời này cái gì suy ra cũng tương đối. Cho nên sách vở của các danh y xưa cũng tương đối, có chỗ đúng, có chỗ sai.
  - ❖ Nếu so với thực tế, thấy chỗ nào sai, cần sửa lại chớ nên bo bo, cố chấp, cho rằng cái gì của người xưa cũng là hay, là đúng.

# CƠ SỞ LÝ LUẬN

Nếu bạn muốn tìm thấy mục đích của Cuộc sống, thì bạn cần phải có cái nhìn vượt lên trên những giới hạn của cơ thể và tâm trí.



# NỀN TẢNG ĐÔNG Y

## KINH DỊCH & NGŨ KINH

- Nội kinh – Tố vấn
- Nội kinh – Linh khu
- Nạn kinh
- Thương hàn luận
- Kim quỹ yếu lược

Người có công lớn trong vận dụng sáng tạo y lý phương Đông vào nền YHCT nước nhà là Hải Thượng Lãn Ông (Lê Hữu Trác)



# KINH DỊCH

## VÔ CỰC

- **Vô cực:** Trước khi trời đất lập ngôi thì tất cả là một cõi hỗn mang, giống như khi người Cha và người Mẹ chưa gặp nhau thì chúng ta chưa có hình tướng nào cả. Thế rồi, trong cái cõi hỗn mang ấy nảy sinh một tiềm năng ẩn chứa. Khi hữu duyên thì nó nảy sinh. Cái tiềm năng ấy gọi là:

**THÁI CỰC**



# KINH DỊCH THÁI CỰC

■ Bên bờ sông Hoàng Hà, Khổng Tử hỏi Lão Tử:

- Thưa thầy, Thái cực là gì?

Lão tử đáp:

- Có một vật do sự hỗn hợp mà thành, nó sinh ra trước trời đất, vừa trống không, vừa yên lặng, trôi đi khắp nơi mà không dừng lại. Nó có thể làm mẹ đẻ của thiên hạ, ta không biết tên nó là gì, tạm gọi đó là lớn và đặt tên cho nó là ĐẠO, chỉ có biến động là thuộc tính của nó.

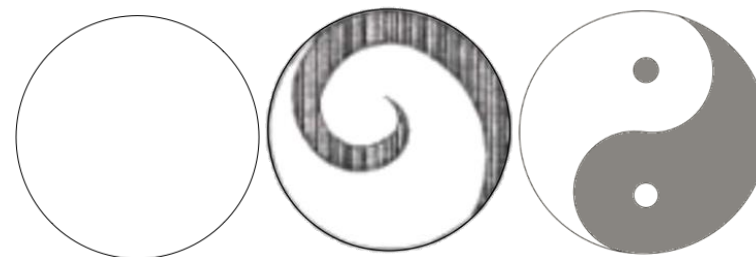
Note:

Khổng Tử không dùng chữ ĐẠO mà dùng từ THÁI CỰC để chỉ ra cái khởi thủy của vũ trụ.

# KINH DỊCH

## LỮƠNG NGHI

- Trên cơ sở đó, Thái cực động sinh dương, Thái cực tĩnh sinh âm và Lưỡng nghi ra đời đó là Dương nghi và Âm nghi.

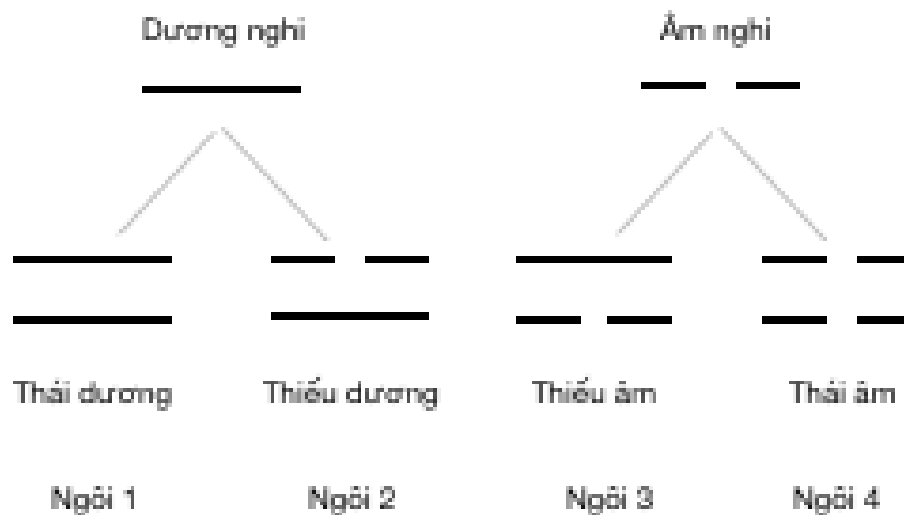


- ✓ Dương: động, nóng, sáng, trong, nhẹ nổi lên thành trời. Dương sinh ra ở phương Bắc, bên trái chủ dương và được biểu hiện bằng một vạch liền ( — ).
- ✓ Âm: lạnh, tĩnh, đục, tối, nặng, chìm xuống thành đất. Âm sinh ra ở phương Nam, bên phải chủ âm và được biểu hiện bằng một vạch đứt ( - - ).

# KINH DỊCH

TỨ TƯỢNG

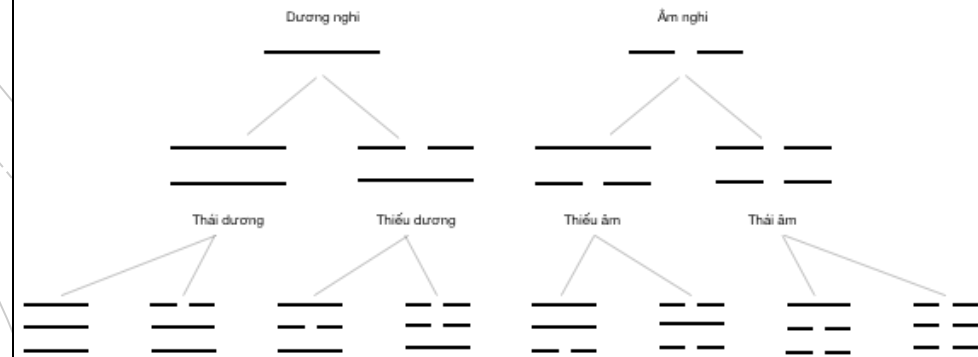
- Một ngày 24 giờ, từ nửa đêm đến trưa thuộc trái, thuộc dương; từ trưa tới nửa đêm là phải, thuộc âm.
- Một năm cũng vậy, một đời người cũng vậy... một chu kỳ Sinh – Lão – Bệnh – Tử hay Sinh – Trưởng – Thu – Tàng. Đó chính là TỨ TƯỢNG.
- Vạch liền (—) gọi là dương nghi, vạch đứt ( \_ \_ ) gọi là âm nghi, lần lượt chồng lên nhau là TƯỢNG.



# KINH DỊCH

## BÁT QUÁI

Vô cực sinh thái cực, thái cực sinh lưỡng nghi, lưỡng nghi sinh tứ tượng, tứ tượng sinh bát quái, bát quái lay động sinh ra lục thập tứ quái gồm 384 hào.



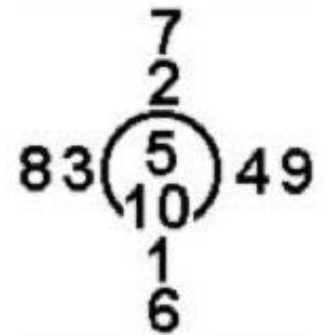
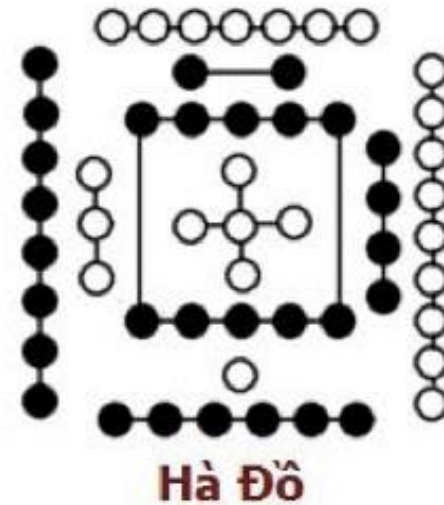


# KINH DỊCH

HÀ ĐỒ

Khổng Tử viết: Hà xuất Đồ, Lạc xuất Thư, thánh nhân tắc chi. Nghĩa là sông Hà xuất hiện Đồ, sông Lạc xuất hiện Thư, thánh nhân nhìn vào đó mà bắt chước theo.

Vua Phục Hy (4477 – 4363 TCN) thấy con long mã xuất hiện trên sông Hà, trên lưng có 55 khoáy đen trắng như một bức hoạ đồ. Nhà vua vẽ lại thành bức đồ – Hà Đồ.



# KINH DỊCH

HÀ ĐỒ

Theo Chu Hy:

Thiên nhất sinh Thuỷ, địa lục thành chi. Địa nhị sinh Hoả, thiên thất thành chi. Thiên tam sinh Mộc, địa bát thành chi. Địa tứ sinh Kim, thiên cửu thành chi. Thiên ngũ sinh Thổ, địa thập thành chi.

Trời lấy số 1 mà sinh hành thuỷ, đất lấy số 6 mà làm cho thành. Đất lấy số 2 mà sinh hành hoả, trời lấy số 7 mà làm cho thành. Trời lấy số 3 mà sinh hành mộc, đất lấy số 8 mà làm cho thành. Đất lấy số 4 mà sinh hành kim, trời lấy số 9 mà làm cho thành. Trời lấy số 5 mà sinh hành thổ, đất lấy số 10 mà làm cho thành.

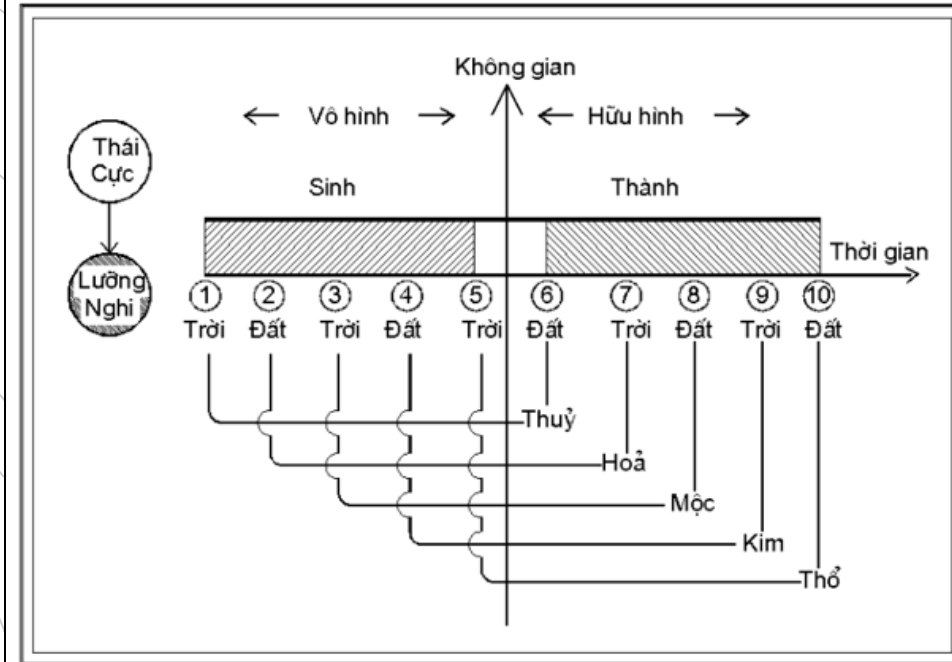
Tý	<b>2</b>	Ngo	<b>7</b>	Mùi		Thân	<b>9</b>
Thìn		<b>5 - 10</b>				Dậu	<b>4</b>
Mão	<b>8</b>					Tuất	
Dần	<b>3</b>	Sửu		Tý	<b>1</b>	Hợi	<b>6</b>

# KINH DỊCH

## HÀ ĐỒ

Vì sao thai nhi lại 9 tháng 10 ngày thì ra đời?

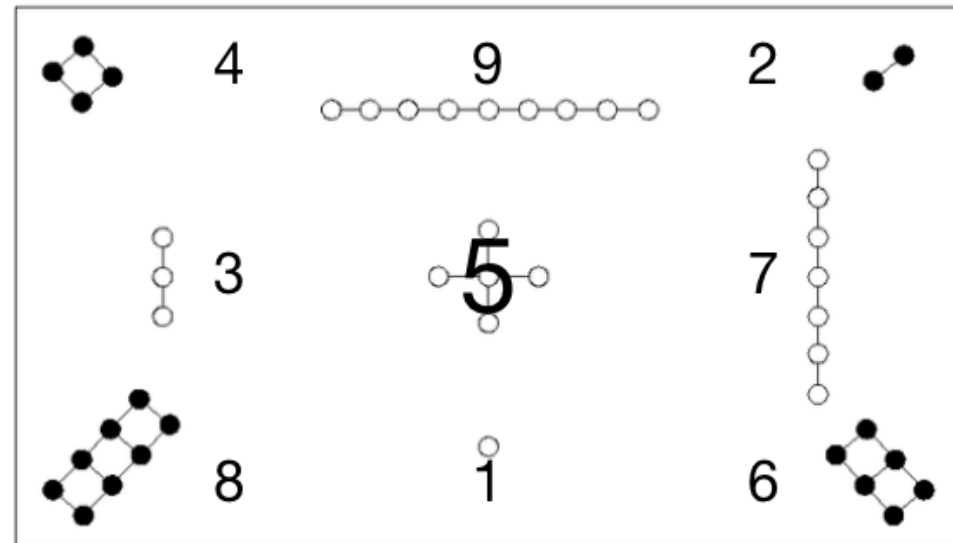
Số 10 là hành Thổ, thổ ứng với Tỳ & Vị – hệ thống tiêu hoá. Số 9 hành Kim thuộc Phế. Vì sao không lấy số sinh là 5 & 4, vì số 9 & 10 là số thành mới phát sinh công dụng, số sinh là tiên thiên còn số thành là hậu thiên. 9 tháng (số 9) là số thành – tạng Phế hình thành có thể thở được, 10 ngày (số 10) là số thành của bộ phận Tỳ & Vị, lúc này bộ máy tiêu hoá có thể làm việc được. Đó là điều kiện cần và đủ để cho đứa con ra đời.



# KINH DỊCH

LẠC THƯ

Lạc Thư là thông điệp mà trời đất gửi tới trên lưng một con rùa. Hiện tượng này được vua Hạ Vũ (2205 – 2167 TCN) nhân đi trị thủy ở sông Lạc nhìn thấy. Cũng giống như Phục Hy, nhà vua chép lại và giải thích rằng “ Lạc Thư lấy tượng của rùa nên số của nó thì trên đầu đội số 9, dưới chân đạp số 1, sườn trái mang số 3, hông phải mang số 7, vai mang số 2 và số 4, chân đi số 6 và số 8, nằm giữa bụng là số 5 (ngũ trung)”

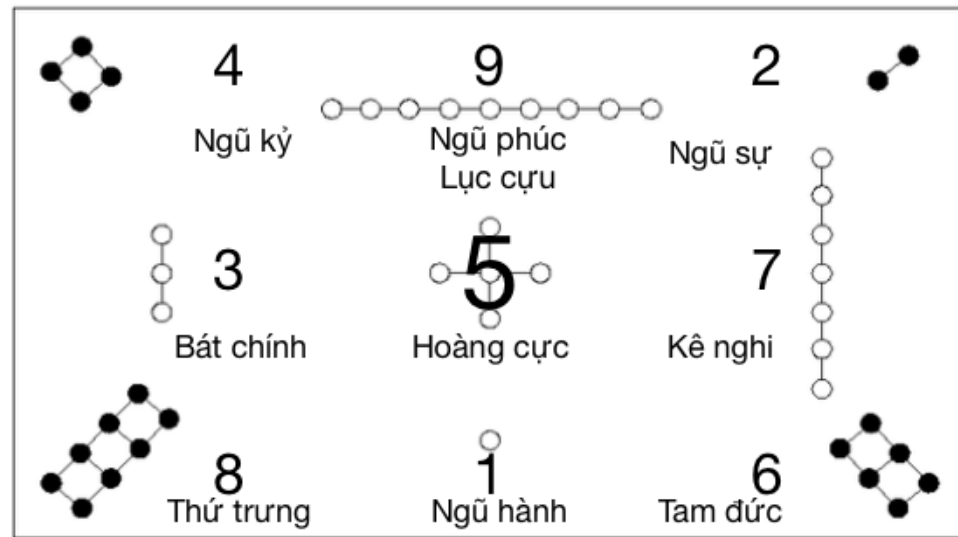


# KINH DỊCH

LẠC THƯ

Ứng dụng

Người xưa thấy Lạc Thư có 9 ô, mỗi ô mang một số nên dựa vào đó mà đặt ra 9 phạm trù về đạo đức.





# KINH DỊCH

LẠCH THỦ

## ▪ Ứng dụng

Ngũ hành có Mộc – Hoả – Thổ – Kim – Thuỷ: Trí như hành Thuỷ, Lễ như hành Hoả, Nhân như hành Mộc, Nghĩa như hành Kim, Tín như hành Thổ.

- ✓ Trí tuệ là cái gốc, vì thế ứng với hành Thuỷ (nhuận hạ).
- ✓ Hoả có tính chuyển động, biến động (viêm thương) ví như Lễ trong đạo làm người.
- ✓ Con người là trung tâm vũ trụ nên Nhân ứng với Mộc (khúc trực) đặc tính sinh trưởng & phát triển.
- ✓ Kim (tòng cách) mang tính tức sát và thu liễm nên ứng với Nghĩa, nhân cách của con người.
- ✓ Thổ là mẹ của vạn vật – tính chất nâng đỡ, sinh hoá, thu nạp (Giá sắc), chữ Tín cho vạn vật.



# KINH DỊCH

LẠCH THƯ

## ▪ Ứng dụng

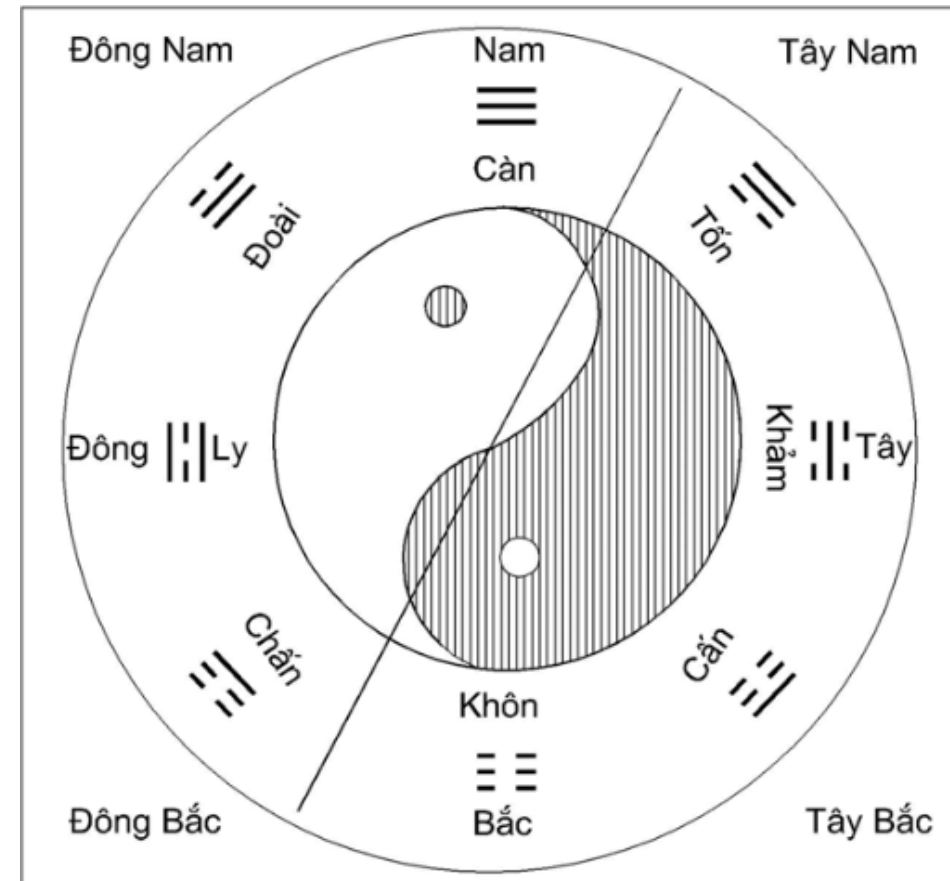
Ngũ sự là có 5 việc lớn gồm Ngôn ngữ – Thị giác – Dung mạo – Thính giác – Tư duy

- ✓ Ngôn ngữ phải thận trọng, chính xác như hành Thủy.
- ✓ Thị giác cẩn thận, sáng suốt như hành Hỏa.
- ✓ Dung mạo mềm mại, uyển chuyển như hành Mộc.
- ✓ Thính giác thận trọng và chắc chắn như hành Kim.
- ✓ Tư duy chính xác, logic như hành Mộc.

# KINH DỊCH

TIÊN THIÊN BÁT QUÁI

Khi Phục Hy vạch quẻ thì lấy vạch liền làm phù hiệu cho khí dương và vạch đứt làm phù hiệu cho khí âm. Điều đó cho thấy đạo trời được diễn tả bằng âm và dương. Đạo đất được diễn tả bằng nhu và cương. Đạo người diễn tả bằng nhân và nghĩa.





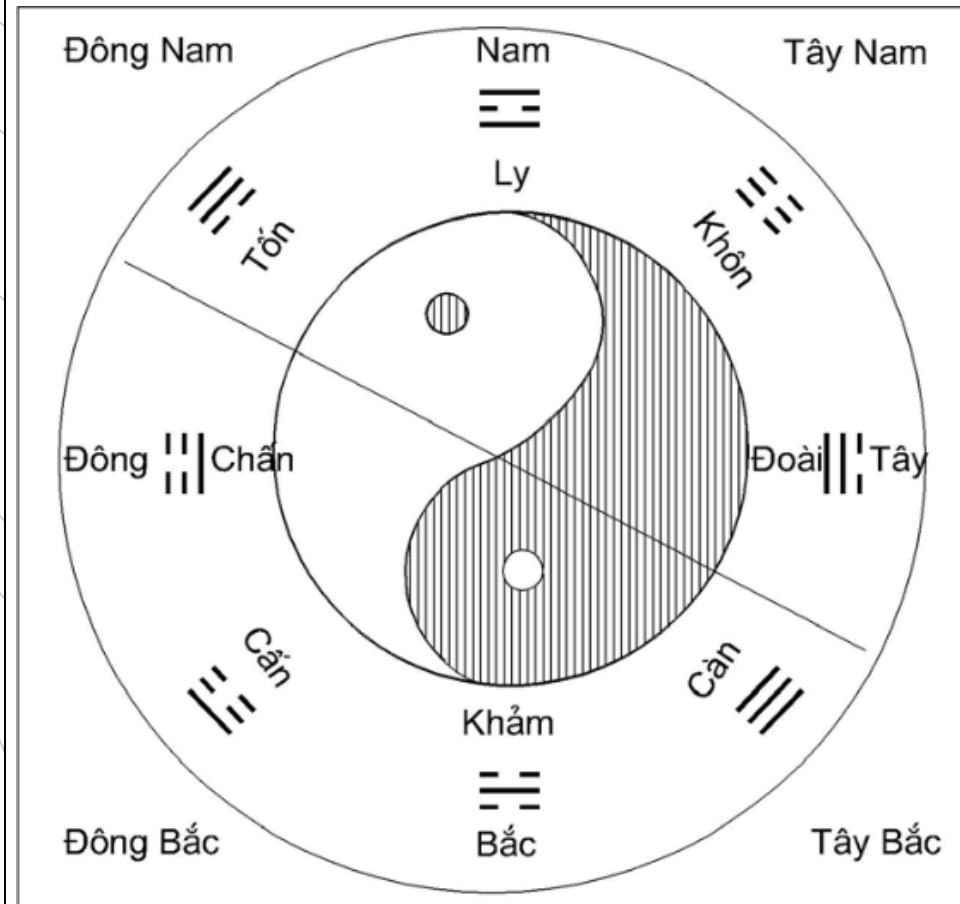
# KINH DỊCH

HẬU THIÊN BÁT QUÁI

Tiên thiên Bát Quái nghiên cứu về thiên lý, còn  
Hậu Thiên Bát Quái nghiên cứu về nhân sự.

TTBQ nghiên cứu về lý lẽ của trời đất, HTBQ lại  
nghiên cứu về việc của con người.

TTBQ là nguyên thể, HTBQ là công dụng, Tiên  
Thiên là bất dịch – Hậu Thiên là giao dịch & biến  
dịch, Tiên Thiên là vô hình – Hậu Thiên là hữu  
hình.



# HỌC THUYẾT

ÂM – DƯƠNG

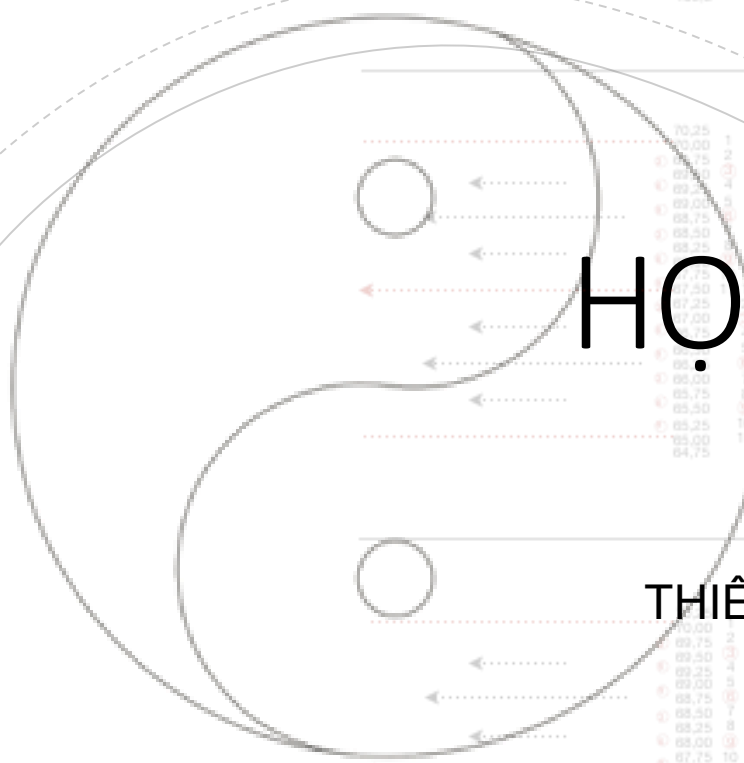
NGŨ HÀNH

THIÊN NHÂN HỢP NHẤT

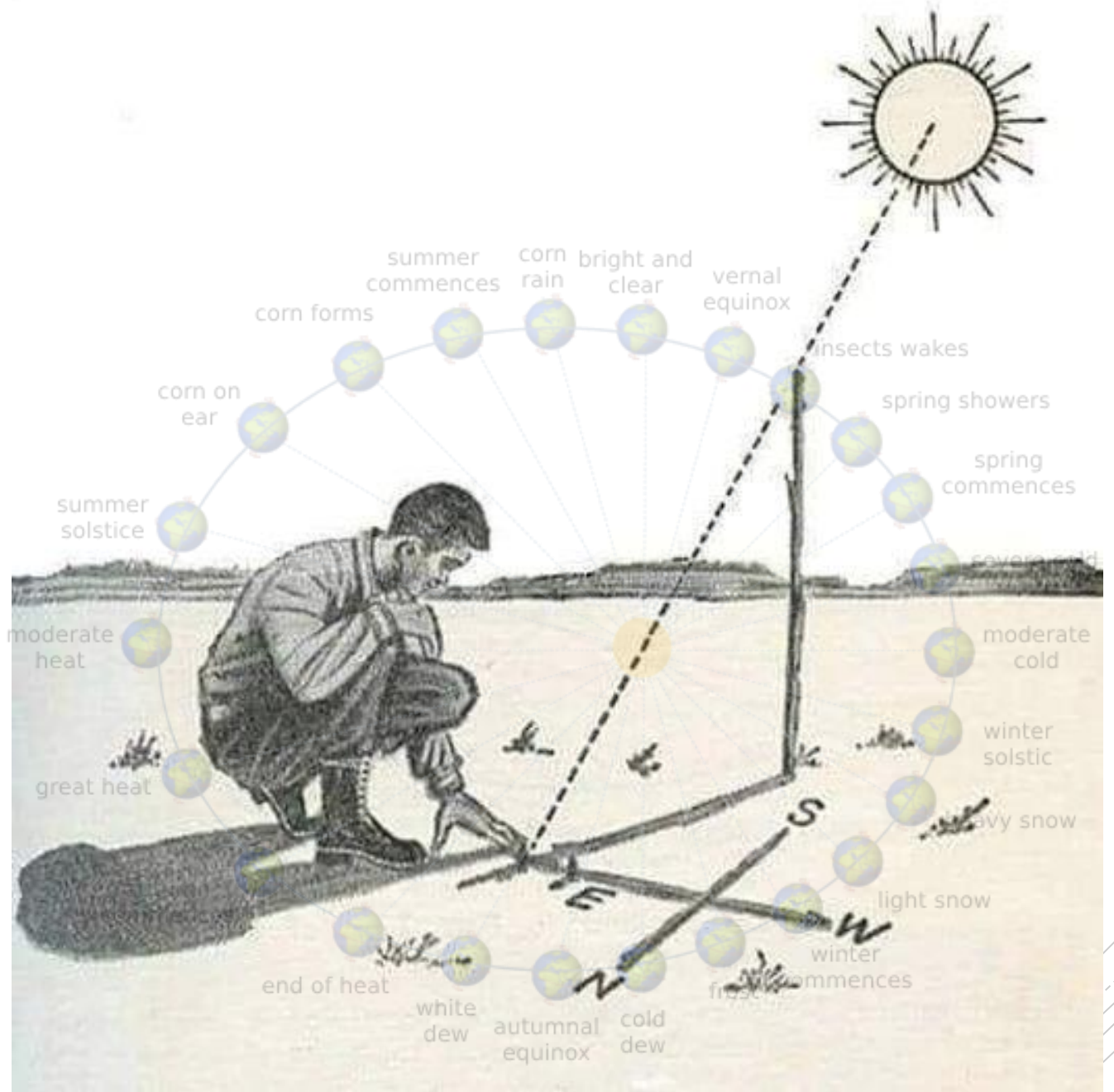
KINH LẠC

VẠN KHÍ

TẠNG TƯỢNG



# TẠI SAO



The elliptical Earth's orbit and positions of 24 solar terms

# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

- NỘI KINH chép: “Âm – Dương là quy luật chung của vũ trụ, là cương kỷ của mọi sự vật, khởi đầu sự biến hoá vạn vật, gốc rễ của sự sinh trưởng, huỷ diệt, là chỗ phát nguyên của mọi hình tượng. Thầy thuốc chữa bệnh cần phải tìm được nguồn gốc biến hoá của bệnh tình mà đạo lý không ra ngoài hai chữ âm dương.

# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

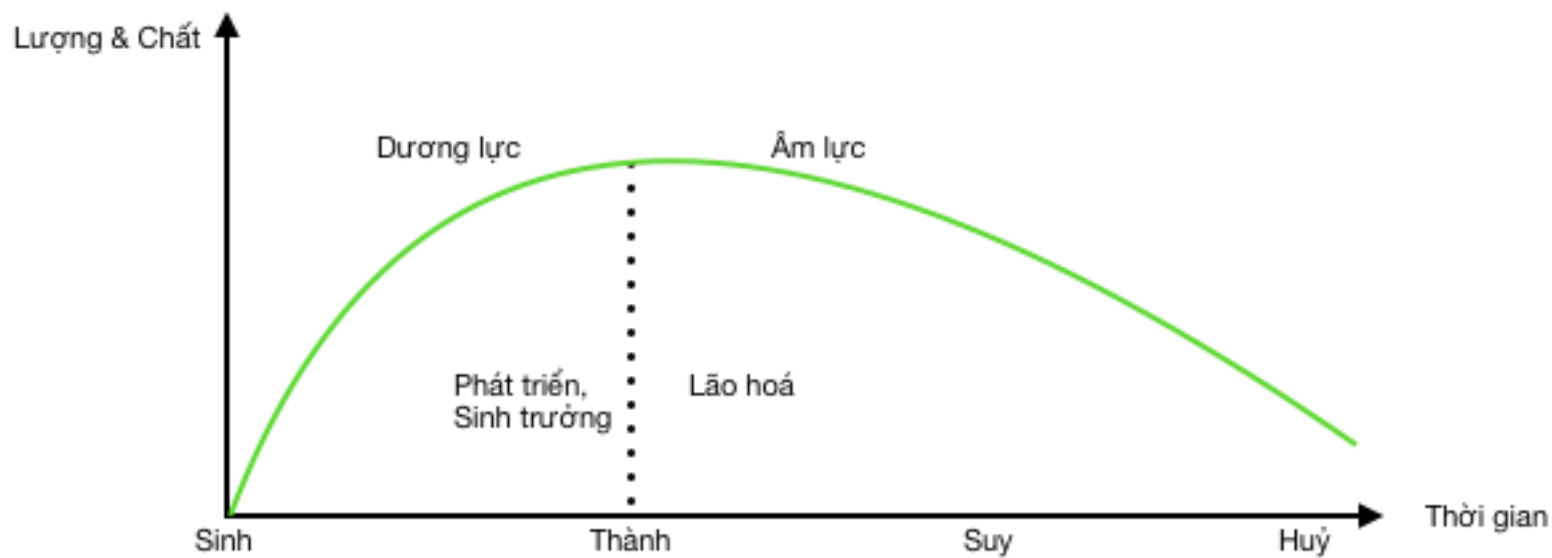
- Trong sự biến hoá của vũ trụ thì khí thanh dương tụ ở phần trên mà sinh ra trời, khí trọc âm chứa ở phần dưới mà thành ra đất, âm dương đối tĩnh, dương tương đối động, dương chủ về sinh, âm chủ về thành, hàn cực sinh nhiệt, nhiệt cực sinh hàn, hàn khí thì cơ thể sinh ra trọc âm, nhiệt khí thì cơ thể sinh ra khí thanh dương, nếu khí thanh dương ở dưới mà không đi lên thì sẽ sinh ra bệnh tiết tả, khí trọc âm ở trên mà không đi xuống thì sẽ sinh ra bệnh đầy trướng.



- Kinh văn cũng nói: Khí thanh dương bốc lên thành trời, khí trọc âm đưa xuống thành đất, khí đất bốc lên thành mây, khí trời tụ lại rơi xuống thành mưa, mưa là do khí đất bốc lên thành mây, mây là do nước mưa của khí trời rơi xuống rồi bốc hơi lên mà thành. Do vậy ta thấy trời xuất địa khí còn đất xuất thiên khí.

# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

- Dương có tính động, nóng, sáng, trong, nhẹ nổi lên thành trời. Dương sinh ra ở phương Bắc, bên trái chủ dương và được biểu hiện bằng một vạch liền ( — ).



- Âm có tính lạnh, tĩnh, đục, tối, nặng chìm xuống thành đất. Âm sinh ra ở phương Nam, bên phải chủ âm và được biểu hiện bằng một vạch đứt ( - - ).

# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

## QUY LUẬT ÂM DƯƠNG ĐỐI LẬP

NGÀY	MẶT TRỜI	KHÍ	TRỜI	SÁNG	NAM	HUNG PHẦN	BÊN NGOÀI	VÔ HÌNH	THỂ
ĐÊM	MẶT TRĂNG	HUYẾT	ĐẤT	TỐI	NỮ	ỨC CHẾ	BÊN TRONG	HỮU HÌNH	DỤNG

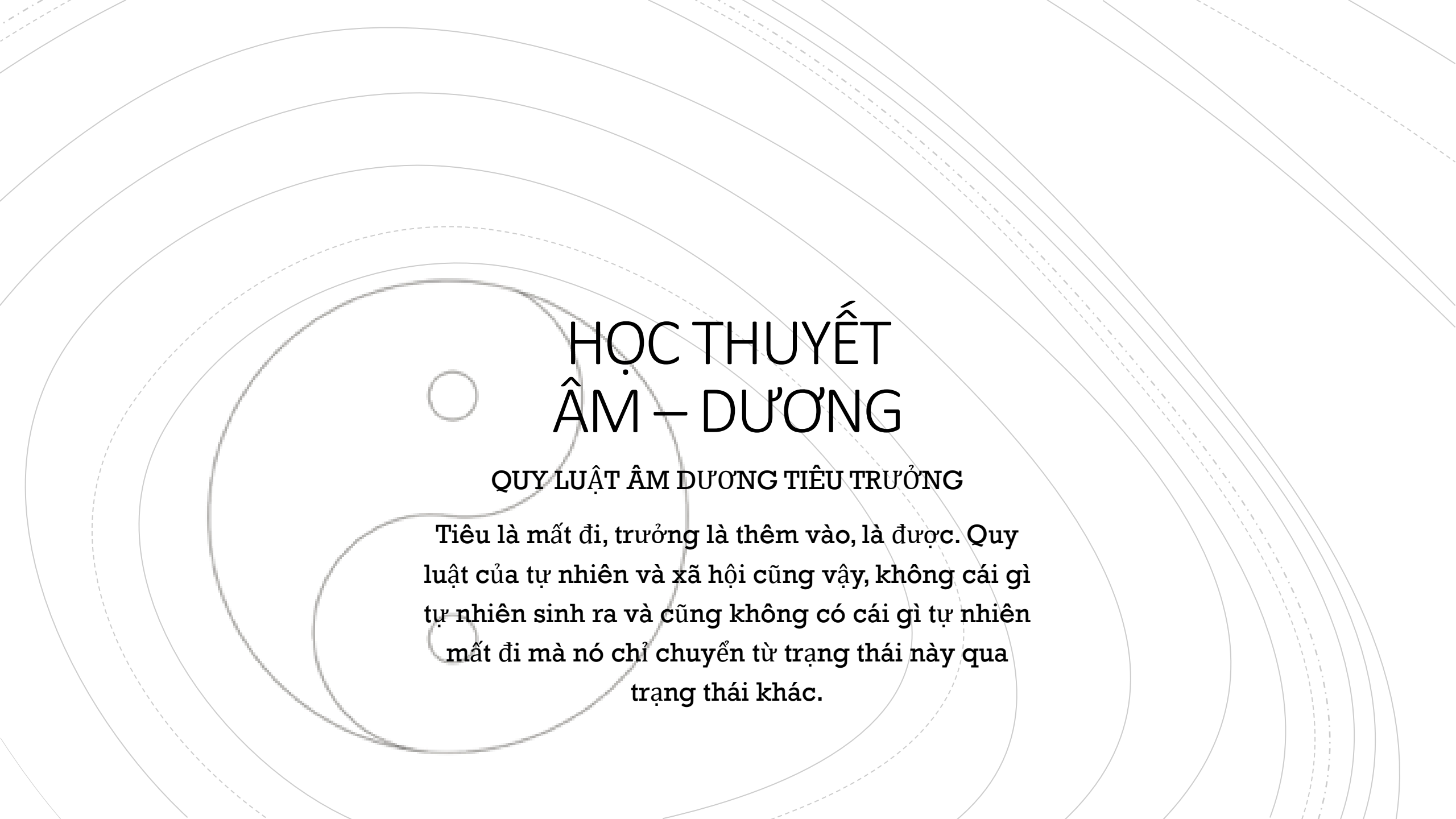


# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

## QUY LUẬT ÂM DƯƠNG HỖ CĂN

Nương tựa, giúp đỡ nhau, căn là gốc rễ, hỗ là tương trợ. Âm dương tuy đối lập nhau nhưng nương tựa vào nhau, thống nhất với nhau để cùng tồn tại và phát triển

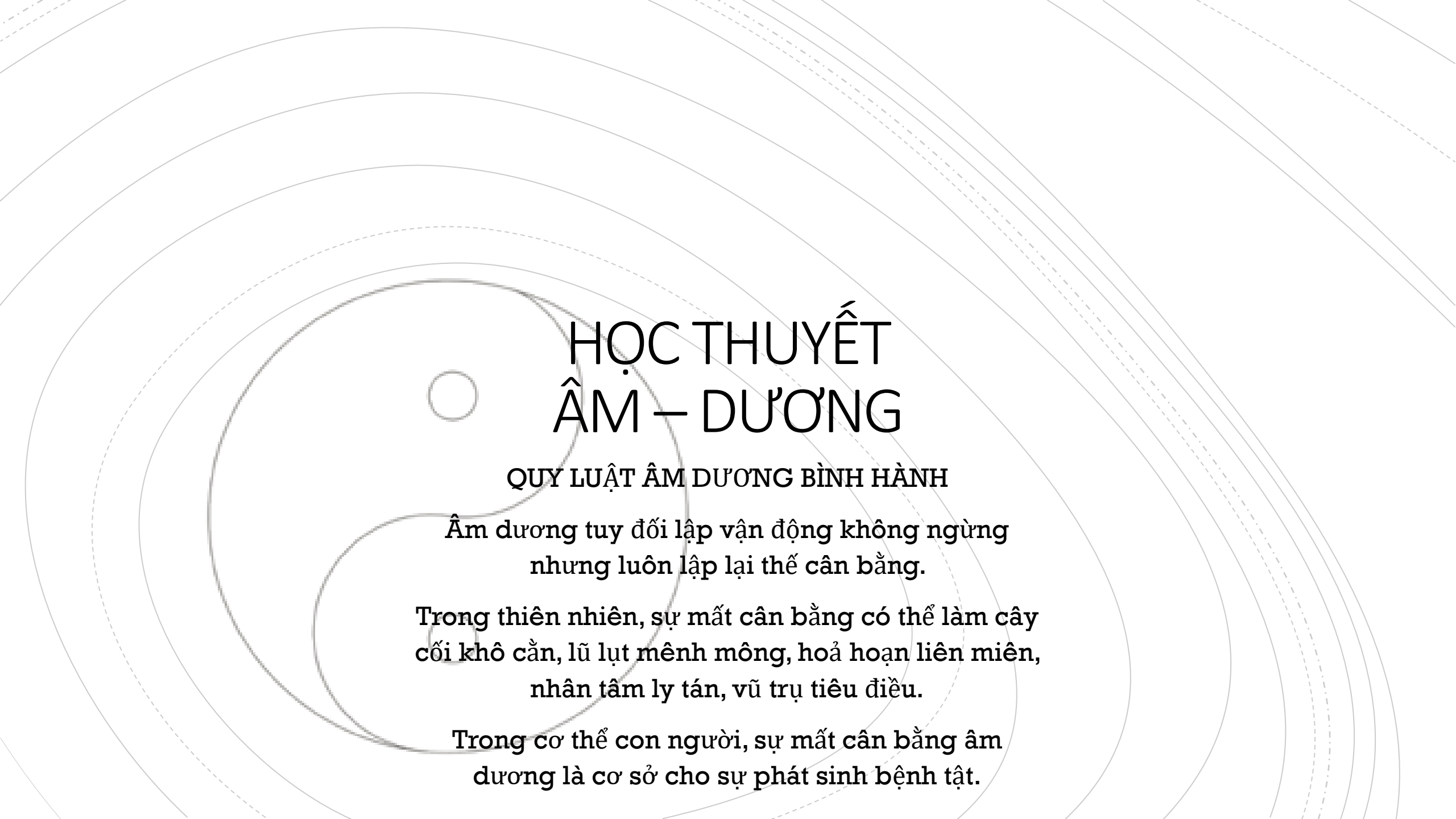




# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

## QUY LUẬT ÂM DƯƠNG TIÊU TRƯỞNG

Tiêu là mất đi, trưởng là thêm vào, là được. Quy luật của tự nhiên và xã hội cũng vậy, không cái gì tự nhiên sinh ra và cũng không có cái gì tự nhiên mất đi mà nó chỉ chuyển từ trạng thái này qua trạng thái khác.



# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

## QUY LUẬT ÂM DƯƠNG BÌNH HÀNH

Âm dương tuy đối lập vận động không ngừng  
nhưng luôn lập lại thể cân bằng.

Trong thiên nhiên, sự mất cân bằng có thể làm cây  
cối khô cằn, lũ lụt mênh mông, hoả hoạn liên miên,  
nhân tâm ly tán, vũ trụ tiêu điều.

Trong cơ thể con người, sự mất cân bằng âm  
dương là cơ sở cho sự phát sinh bệnh tật.

# HỌC THUYẾT ÂM – DƯƠNG

## ỨNG DỤNG ÂM DƯƠNG TRONG Y HỌC

TẠNG	KINH ÂM	HUYẾT	BỤNG	VẬT CHẤT DINH DƯỠNG	DƯỚI	LÝ
PHỦ	KINH DƯƠNG	KHÍ	LƯNG	CÔNG NĂNG HOẠT ĐỘNG	TRÊN	BIỂU

## VẬN VẬT LẤY CÂN BẰNG LÀM GỐC

Con người do trời đất sinh ra, con người chính là một vũ trụ thu nhỏ, trong trời đất có gì thì con người có nấy, vô hình là dương, hữu hình là âm, ngoài là dương, trong là âm, công năng là dương, vật chất là âm, vì thế nên khi vận dụng vào cơ thể con người cũng theo nguyên tắc như vậy.



# HỌC THUYẾT NGŨ – HÀNH

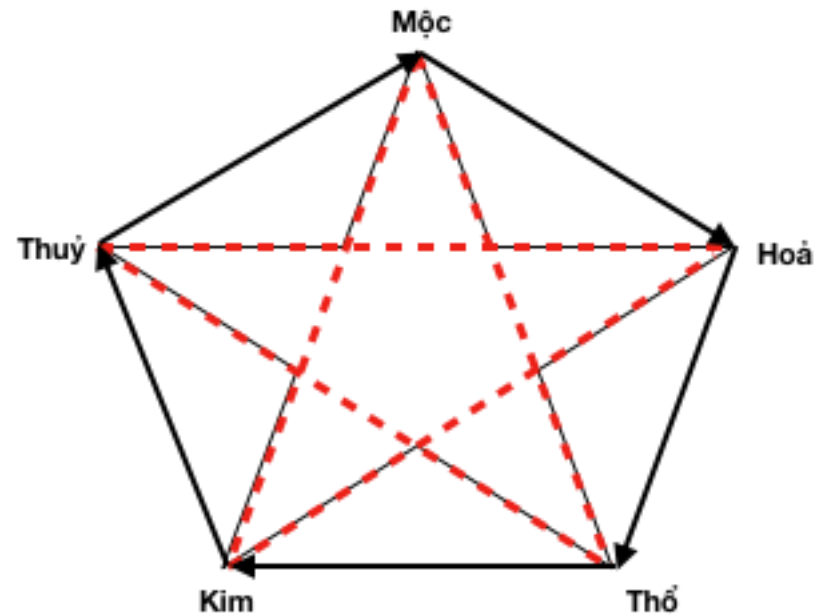
- Người xưa nhận thấy thế giới xung quanh ta có 5 loại vật chất, đó là cây cỏ (Mộc), lửa (Hoả), đất (Thổ), kim loại (Kim), nước (Thủy), ngoài ra không còn tồn tại bất kỳ một dạng vật chất nào khác mà không thể quy nạp vào 5 loại vật chất nói trên.
- Người xưa còn thấy 5 loại vật chất ấy không đứng yên, không tồn tại mãi mãi mà luôn thay đổi, vận động và biến hoá từ loại vật chất này sang loại vật chất khác

# HỌC THUYẾT NGŨ – HÀNH

- Học thuyết Ngũ hành do Trâu Diễn đời Chiến Quốc trong quá trình nghiên cứu giải thích các vật chất đã xây dựng nên và ông cho rằng: Trong thế giới vật chất ấy đều do 5 thứ tạo thành, đó là Mộc – Hoả - Thổ – Kim – Thủy. Đem các sự vật và hiện tượng trong tự nhiên và con người quy nạp thành 5 loại vật chất nói trên và tìm ra được mối quan hệ giữa chúng, đó chính là học thuyết Ngũ hành.
- Học thuyết Ngũ hành chính là học thuyết Âm dương được cụ thể hoá trong việc quan sát, quy nạp và tìm ra các mối liên quan của các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên và các hoạt động sinh lý – bệnh lý của tạng phủ, để chẩn đoán bệnh, tìm ra tính năng thuốc, thực phẩm phục vụ cuộc sống con người.

# HỌC THUYẾT NGŨ – HÀNH

- Quy luật Ngũ hành tương sinh



- Quy luật Ngũ hành tương khắc

# HỌC THUYẾT NGŨ – HÀNH

- Quy luật Ngũ hành tương sinh
- Quy luật Ngũ hành tương khắc

Ngũ Hành	Mô tả	Đặc tính	Quy nạp
<b>Cây cối</b>	Khúc trực	Sinh trưởng, phát triển	Hành Mộc
<b>Lửa</b>	Viêm thượng	Chuyển động, biến động	Hành Hoả
<b>Đất đai</b>	Giá sắc	Nâng đỡ, sinh hoá, thu nạp	Hành Thổ
<b>Kim loại</b>	Tòng cách	Túc sát, thu liễm	Hành Kim
<b>Nước</b>	Nhuận hạ	Ẩn giấu, lưu động	Hành Thủy

**Note:**

**Khúc:** cong; **Trực:** duỗi. **Viêm:** nóng; **Thượng:** hướng lên.  
**Giá:** gieo trồng; **Sắc:** thu hoạch. **Tòng:** thuận theo; **Cách:** cải cách. **Nhuận:** ẩm ướt; **Hạ:** hướng xuống.

# HỌC THUYẾT THIÊN NHÂN HỢP NHẤT

- Là học thuyết nghiên cứu về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người, học thuyết chỉ ra sự gắn bó mật thiết không thể tách rời giữa trời đất là vũ trụ lớn và con người là vũ trụ nhỏ, mọi biến động của vũ trụ lớn đều ảnh hưởng tới vũ trụ nhỏ, con người phải thích nghi, chế ngự, cải tạo hoàn cảnh thiên nhiên, hoàn cảnh xã hội để sinh tồn và phát triển.
- Người xưa ứng dụng học thuyết này vào công việc phòng chống, bảo vệ và giữ gìn sức khỏe, các phương pháp luyện tập dưỡng sinh nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Học thuyết còn có tên gọi là học thuyết Tam Tài, thuyết Thiên Địa Nhân hay còn gọi đó là quan niệm chính thể.





# HỌC THUYẾT KINH LẠC

- **ÂM DƯƠNG GIAO CẢM VÀ SỰ HÌNH THÀNH:** Trời đất có ngũ hành vận hành liên tục, con người bẩm thụ lấy mà sinh ra ngũ tạng, 12 địa chi đối xung hợp hoá mà sinh ra lục khí, con người bẩm thụ lấy mà sinh ra lục kinh, đó là:  
Thiếu dương, Dương minh, Thái dương,  
Thiếu âm, Thái âm và Quyết âm.
- Con người có ngũ tạng, lục phủ, cộng thêm tâm bào lạc là 12, mỗi tạng có một kinh âm, mỗi phủ có một kinh dương, tổng cộng có 12 chính kinh nhưng vẫn là có lục kinh để ứng với lục khí của trời.



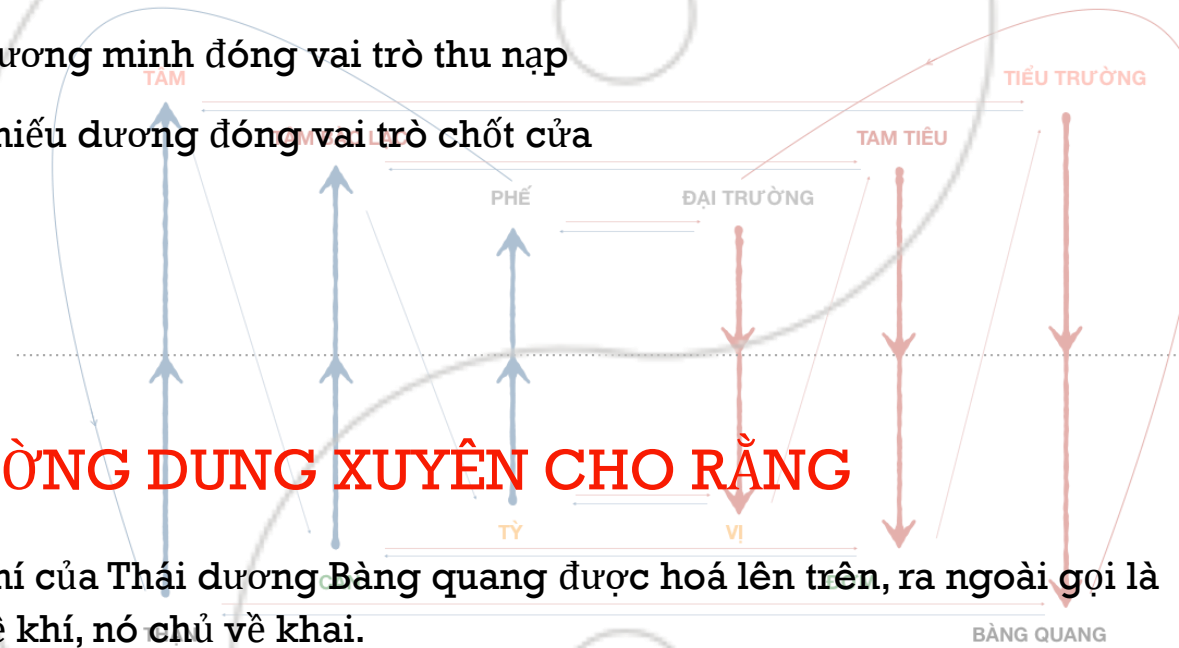
# HỌC THUYẾT KINH LẠC

- **VAI TRÒ LỤC KINH:** Dựa vào tứ tượng và lục khí người ta đặt tên cho lục kinh, 3 kinh âm ở tay, 3 kinh âm ở chân, 3 kinh dương ở tay, 3 kinh dương ở chân.
- ✓ Thiếu dương là khí dương còn non, là khí nhất dương.
- ✓ Dương minh là khí nhị dương, là ánh dương bùng lên như mặt trời mọc lên buổi sáng.
- ✓ Thái dương là tam dương, là khí dương chan hoà phủ khắp mọi nơi.
- Trong cơ thể người, sự thay đổi các khí cũng lần lượt thay đổi theo thời gian từ yếu đến mạnh, từ âm sang dương và ngược lại.

# HỌC THUYẾT KINH LẠC

## THÁI DƯƠNG VI KHAI, DƯƠNG MINH VI HẠP, THIẾU DƯƠNG VI KHU

- Thái dương đóng vai trò mở ra
- Dương minh đóng vai trò thu nạp
- Thiếu dương đóng vai trò chốt cửa



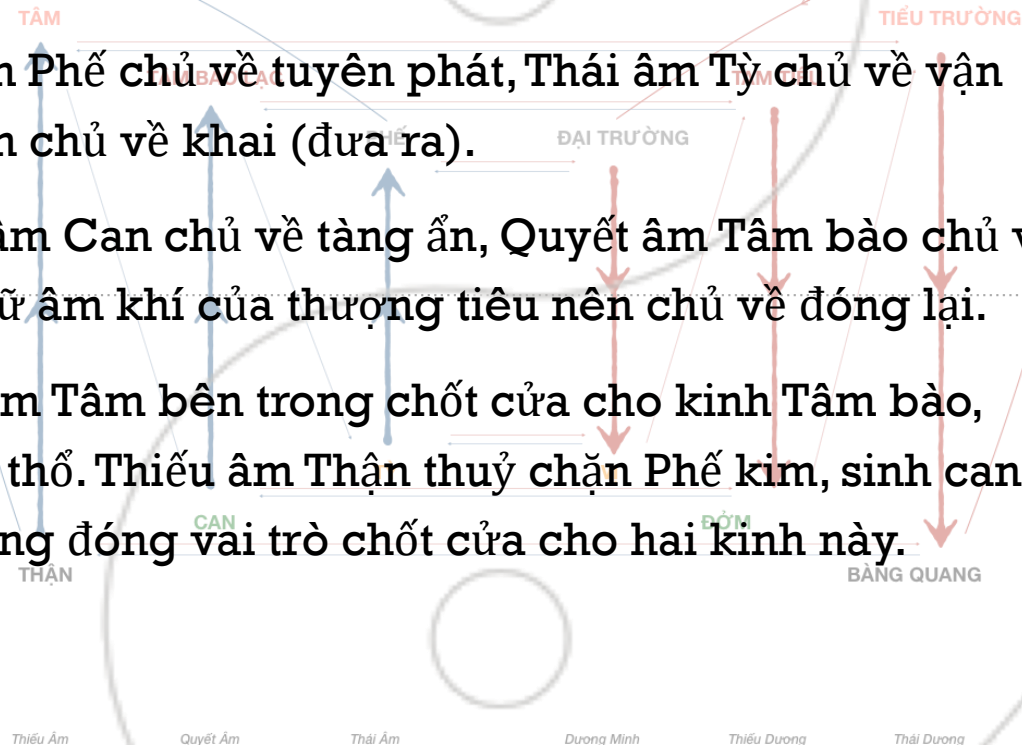
## ĐƯỜNG DUNG XUYÊN CHO RẰNG

- Khí của Thái dương Bằng quang được hoá lên trên, ra ngoài gọi là vệ khí, nó chủ về khai.
- Kinh Dương minh Vị chủ về nạp thủy cốc, khí của nó đưa đi khắp nơi trong cơ thể và đi xuống, nó chủ về hạp (đóng lại).
- Thiếu dương bên trong chủ về huyết mạch, bên ngoài chủ về tấu lý, tất cả khí nội ngoại xuất nhập đều qua con đường này, vì vậy Thiếu dương như người chốt cửa, ngăn lại tà khí vào trong cơ thể.

# HỌC THUYẾT KINH LẠC

## THÁI ÂM VI KHAI, QUYẾT ÂM VI HẠP, THIẾU ÂM VI KHU

- Thái âm Phế chủ về tuyên phát, Thái âm Tỳ chủ về vận hoá nên chủ về khai (đưa ra).
- Quyết âm Can chủ về tàng ẩn, Quyết âm Tâm bào chủ về tàng giữ âm khí của thượng tiêu nên chủ về đóng lại.
- Thiếu âm Tâm bên trong chốt cửa cho kinh Tâm bào, sinh Tỳ thổ. Thiếu âm Thận thủy chặn Phế kim, sinh can mộc cũng đóng vai trò chốt cửa cho hai kinh này.



VẬN HÀNH KHÍ & HUYẾT CỦA 12 CHÍNH KINH



# HỌC THUYẾT VẬN KHÍ

- Là học thuyết nghiên cứu về sự vận động của Ngũ hành phối hợp với sự biến hoá của 6 thứ khí. Dem kết hợp Ngũ hành với Thiên can để tính tuế vận của từng năm để xem năm ấy thuộc vận nào. Dem kết hợp lục khí với Địa chi để tính tuế khí của từng năm xem năm ấy thuộc khí nào.
- Phối hợp Ngũ vận và Lục khí thành học thuyết Vận khí để nghiên cứu về các quy luật biến hoá của khí hậu, thời tiết nhằm phục vụ cho các ngành khoa học nói chung và đặc biệt trong chẩn đoán và điều trị y học nói riêng.



# HỌC THUYẾT VẬN KHÍ

- Lục khí làm nên công dụng hoá sinh của trời đất
- ✓ Phong khí làm nên chuyển động.
- ✓ Hàn khí làm nên ngưng đọng.
- ✓ Nhiệt khí làm nên ấm nóng.
- ✓ Thấp khí làm nên nhu thuận mềm mại.
- ✓ Táo khí làm nên khô ráo, thu liễm.
- ✓ Hoả khí làm cho hun bốc, quang minh.
- 12 Địa chi đối xung từng cặp, mỗi cặp hợp hoá với nhau mà tạo nên 6 khí đó là 6 lần hợp thì 6 lần hoá.



# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- **Tạng tượng & Kinh lạc là những phần quan trọng trong lý luận y học cổ truyền nhằm nghiên cứu sự hoạt động của tạng phủ, kinh lạc và các mối quan hệ của chúng với nhau trong quá trình sinh lý và bệnh lý của cơ thể con người. Biết được chức năng của chúng, ta có thể dựa vào đó mà đề ra các phương pháp phòng bệnh và chữa bệnh có hiệu quả cao nhất.**



# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- Trong tạng phủ thì Tâm được coi là nhà lãnh đạo tối cao, tất cả hoạt động tinh thần, trí tuệ đều từ đó mà ra.
- Phế như chức năng của thừa tướng, điều tiết phần khí của toàn thân.
- Can giữ chức năng tướng quân, có trí dũng phát huy mọi mưu kế và suy xét tính toán.
- Tính của Đờm là trung thực cương nghị, có đủ năng lực phán đoán chính xác.
- Đản trung giống như chức nội thần, phụ trách truyền đạt ý chí vui mừng của quân chủ.
- Tỳ vị như kho vựa, chứa đựng và tiêu hoá, vận chuyển và phân bố chất dinh dưỡng của đồ ăn uống.





# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỞNG

- Đại trường quản lý việc truyền tổng chất cặn bã ra ngoài.
- Tiểu trường tiếp thu đồ ăn uống từ Tỳ vị, hoá thành chất tinh hoa đi nuôi cơ thể.
- Năng lực của Thận đầy đủ thì chân tay mạnh mẽ, tăng thêm trí tuệ, biểu hiện ra động tác kỹ xảo.
- Tam tiêu chủ khai thông nguồn nước toàn thân.
- Bàng quang là nơi hội tụ thuỷ dịch của tam tiêu nên gọi là châu đô chi quan.
- Hạ tiêu nơi đan điền hoạt động khí hoá thì đường nước thông lợi mà chảy ra ngoài.

Giữa 12 khí quan này cần phải hoạt động nhịp nhàng và vai trò quyết định cho sự nhịp nhàng đó là tạng Tâm.

# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- **TINH:** Là cơ sở vật chất tạo nên cơ thể và là nguồn dinh dưỡng cho sự sống của con người. Có hai loại tinh: Tinh tiên thiên & Tinh hậu thiên.
- Tinh tiên thiên là do bố mẹ đem lại, cái gì đến với sự sống gọi là tinh, tinh là vật chất cơ bản cấu tạo nên ngũ tạng, lục phủ.
- Tinh hậu thiên là do Tỳ Vị vận hoá đồ ăn thành chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể và phân bố ở các tạng phủ nên gọi là tinh tạng phủ.

Hai nguồn tinh này bổ sung cho nhau để tham gia vào việc sinh dục và phát dục của cơ thể. Khi nguồn tinh phát triển dồi dào thì quy vào Thận mà hoá thứ tinh sinh dục.

Tinh có sức sống dồi dào, là vật chất cấu tạo nên tất cả các tổ chức trong cơ thể nên gọi là chân âm, nó còn là cơ sở vật chất của nguyên khí nên còn gọi là nguyên âm. Nguyên âm chống lại tà khí, tránh được bệnh tật, giúp sự sinh trưởng và phát dục của cơ thể.

# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- **KHÍ:** Là thành phần cấu tạo nên cơ thể, là chất cơ bản duy trì sự sống con người, có tác dụng thúc đẩy khí huyết và công năng tạng phủ, kinh lạc hoạt động.
  - a. Khí bẩm thụ từ thiên nhiên thì gọi là khí tiên thiên, còn gọi là nguyên khí.
  - b. Khí được hoá sinh trong đồ ăn uống và thứ khí trời hít thở đều gọi là khí hậu thiên.
    - Có 4 loại khí:
      1. Nguyên khí
      2. Tôn khí
      3. Vinh khí
      4. Vệ khí



# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- **HUYẾT:** Là thứ thể dịch sắc đỏ, theo đường mạch vận hành không ngừng trong cơ thể. Nguồn sinh ra huyết từ Tỳ Vị ở trung tiêu, thức ăn được tỳ vị vận hoá thành chất tinh vi, vinh khí dồn vào mạch mà thành huyết, ngoài ra tinh còn do tinh tàng trữ từ thận sinh ra. Vì vậy huyết có quan hệ mật thiết với 3 tạng Tỳ – Phế – Thận.
- ✓ **Tân dịch:** là chất nước trong cơ thể. Chất trong là tân, chất đục là dịch. Tân dịch cũng do chất dinh dưỡng trong đồ ăn uống hoá ra, nhờ sự khí hoá của tam tiêu mà đi vào tạng phủ, khớp xương, nước bọt v.v... Tân đi toàn thân, tưới và nuôi dưỡng tạng phủ, cơ nhục, kinh mạch, da và bổ sung nước cho huyết dịch, mồ hôi và nước tiểu là chất thải của tân, thứ ra tấu lý là mồ hôi, thứ xuống bàng quang là nước tiểu.

# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- ✓ **Tân dịch: ... Khi mất tân dịch nghĩa là cơ thể mất nước, mất mồ hôi, nước tiểu bài tiết quá nhiều thì máu khô lại, hematocrit tăng làm rối loạn điện giải, nếu không có điều trị, truyền dịch kịp thời có thể nguy hiểm tới tính mạng.**

**Dịch là chất đục, cũng từ đồ ăn uống hoá sinh, theo huyết đi khắp nơi nhưng thường được chứa trong não tuỷ, khớp xương, bôi trơn các khớp, nhu nhuận tai mắt miệng mũi.**

**Tuy tân dịch có nguồn gốc giống nhau nhưng tân thì trong còn dịch thì đục. Tân thì lỏng mà dịch thì đặc. Tân ra ngoài biểu, dịch vào gân xương, các khớp, các màng bao bọc tạng phủ. Tuy vậy chúng chuyển hoá lẫn nhau mà làm nên công dụng, do đó trên lâm sàng vẫn gọi chung là Tân Dịch.**



# HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG

- **THẦN:** Là sự hoạt động về tinh thần, tư duy và ý thức của con người, là biểu hiện bên ngoài của Tinh – Khí – Huyết – Tân dịch. Thần do tinh tiên thiên sinh ra và được bổ sung không ngừng bởi tinh hậu thiên, vì vậy thần có quan hệ chặt chẽ với Tinh – Khí – Huyết – Tân dịch – Vinh – Vệ.

Thần là sự biểu hiện bên ngoài tình trạng sinh lý, bệnh lý của tạng phủ trong cơ thể. Thần còn thì sống, thần kém thì bệnh tật, thần mất thì chết.

Tinh – Khí là cơ sở vật chất của Thần. Khi khí huyết thịnh vượng, lục phủ ngũ tạng điều hoà thì tinh thần sung túc. Sinh mệnh bắt nguồn từ Tinh, duy trì nhờ Khí, làm chủ nhờ Thần.